

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2023/DS-ST
Ngày: 10/7/2023
V/v: "T/c hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE- TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Thanh Như

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hưng

Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Hoa Hạ- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia: Bà Lư Ngọc Thiên An - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023 và ngày 10 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 127/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lữ Thị Kim C, sinh năm 1979;

Địa chỉ: số A đường N, khu phố B, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Cư trú: ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Ông Hồ Văn V, sinh năm 1961; địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre; theo văn bản ủy quyền ngày 04/4/2023.

- Bà Trần Thị Ngọc Như A, sinh năm 1992; địa chỉ: ấp M, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; theo văn bản ủy quyền ngày 26/6/2023.

Bị đơn: Bà Mai Kim P, sinh năm 1955;

Địa chỉ: khu phố B, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Mai Kim H, sinh năm 1958 (tên gọi khác: Dung);

- Ông Nguyễn Thiết T1, sinh năm 1982;

- Bà Võ Thị Kim N, sinh năm 1987;

Địa chỉ: khu phố B, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của bà Mai Kim P, bà Mai Kim H, ông Nguyễn Thiết T1, bà Võ Thị Kim N: ông Lê Kim Trường S, sinh năm 1976; địa chỉ: số B đường N, khu phố B, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre; theo văn bản ủy quyền ngày 05/5/2023 và ngày 17/5/2023.

- Ông Hồ Văn V, sinh năm 1961;

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Người làm chứng: Ông Phan Cao T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: số X khu phố M, phường B, thành phố BG, tỉnh Bến Tre.

(Ông Hồ Văn V, bà Trần Thị Ngọc Như A, ông Lê Kim Trường S và ông Nguyễn Thiết T1 có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2023, bản tự khai, cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn bà Lữ Thị Kim C cũng như người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hồ Văn V trình bày:

Ngày 29/02/2022, bà Lữ Thị Kim C có cho bà Mai Kim P vay số tiền 200 triệu đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 29/02/2022, lãi suất do các bên tự thỏa thuận. Hợp đồng được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản chính. Do lớn tuổi nên ông Phan Cao T có chở bà C qua nhà của bà P, bà H tại xã T, huyện C để giao tiền. Sau khi vay tiền thì bà P ký vào hợp đồng vay tiền và lặn tay. Khi giao tiền các bên không có làm biên nhận vì hợp đồng giao tiền cũng là biên nhận. Hết thời hạn vay nhưng bà P và bà H không trả tiền theo như thỏa thuận giữa đôi bên.

Nay, bà C buộc bà P và bà H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc 200 triệu đồng và tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm tính từ ngày 29/02/2022 đến ngày xét xử vụ án, tiền lãi tính đến ngày 03/4/2023 với số tiền 43.444.444 đồng. Bà C yêu cầu bà H có nghĩa vụ liên đới trả tiền vì bà H có sử dụng số tiền vay để trả tiền ngân hàng và trả tiền cho vụ án mà bà P, bà H cùng đứng đơn khởi kiện. Bà C không còn yêu cầu nào khác.

Theo bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ông Lê Kim Trường S là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Mai Kim P trình bày:

Do có người quen giới thiệu, bà Mai Kim P có nhờ luật sư Nguyễn Văn M làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và ông Hồ Văn V là người đại diện theo ủy quyền của bà Mai Kim P, bà Mai Kim H trong vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 185/2021/TLST-DS ngày 29/11/2021 về việc "tranh chấp chia tài sản chung và tranh chấp về thừa kế tài sản" giữa nguyên đơn bà P, bà H với bị đơn ông Mai Hữu K và ông Mai Hữu K1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thiết T1 do

Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre giải quyết (đến nay đã giải quyết xong). Ông T1 (con của bà P) là người trả tiền chi phí cho luật sư M và ông V. Ngày 29/2/2022, ông T1 đi khám bệnh, ông V đến nhà của bà P tại khu phố B, phường A, đưa hợp đồng vay tiền đã lập sẵn (ghi bà C là người cho vay) và yêu cầu bà P ký vào hợp đồng với nội dung bảo lãnh cho ông T1. Trước đó, bà P có nghe ông T1 nói có vay của ông V số tiền 200 triệu đồng để đi chữa bệnh, do đó, bà P đồng ý ký tên vào "hợp đồng vay tiền ngày 29/02/2022". Tại thời điểm ký hợp đồng vay tiền ngày 29/02/2022 chỉ có mặt bà P và ông V. Sau khi ký hợp đồng, bà P giữ 01 bản chính, ông V giữ 01 bản chính. Bà P chỉ ký tên với tư cách là bảo lãnh cho ông T1 chứ thực tế ngày 29/02/2022 bà P không có nhận tiền từ bà C, đồng thời bà P không biết bà C là ai. Do đó, bà P không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà C.

Theo bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ông Lê Kim Trường S là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Kim H trình bày:

Bà Mai Kim H không đồng ý toàn bộ lời trình bày của bà C. Bà H hoàn toàn không biết việc vay tiền giữa bà P với bà C và việc vay tiền giữa bà C với ông T1, bà N. Bà H hoàn toàn không liên quan đến vụ án này. Do đó, bà H không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà C.

Theo bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ông Lê Kim Trường S là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thiết T1, bà Trần Thị Kim N trình bày:

Do cần tiền để trị bệnh và cần tiền để trả tiền cho người đại diện theo ủy quyền và chi phí luật sư nên ông T1 và vợ của ông T1 là bà N có vay tiền của ông Hồ Văn V, cụ thể như sau:

- Ngày 27/12/2021, ông T1 và bà N vay của ông V số tiền 100 triệu đồng, lãi suất tự thỏa thuận (thực tế các bên thỏa thuận lãi suất 5% nhưng không ghi trong hợp đồng, theo hợp đồng thể hiện bên vay là Lữ Thị Kim C chứ không phải là ông Hồ Văn V, hợp đồng này ông V đã lập sẵn, bà C ký sẵn trước đó, ông T1 và bà N chỉ ký vào). Việc giao nhận tiền số tiền 100 triệu đồng diễn ra tại 49 khu phố 4, phường An Hội, thành phố Bến Tre. Khi giao nhận tiền cũng như ký hợp đồng có mặt ông V, ông T1 và bà N.

- Ngày 14/02/2022, ông T1 và bà N vay của ông V số tiền 100 triệu đồng, lãi suất tự thỏa thuận (thực tế các bên thỏa thuận lãi suất 5% nhưng không ghi trong hợp đồng, theo hợp đồng thể hiện bên vay là Lữ Thị Kim C chứ không phải là ông Hồ Văn V, hợp đồng này ông V đã lập sẵn, bà C ký sẵn trước đó, ông T1 và bà N chỉ ký vào). Tuy nhiên, ngày 14/02/2022 thì ông T1 và bà N chỉ nhận 70 triệu đồng (ông V

đã khấu trừ tiền lãi 02 tháng của số tiền vay ngày 27/12/2021 là 10 triệu đồng, 20 triệu đồng tiền thuê ông V làm đại diện theo ủy quyền), việc giao dịch tiền diễn ra tại khu phố B, phường A, thành phố B. Khi giao nhận tiền cũng như ký hợp đồng có mặt ông V, ông T1 và bà N.

- Tháng 10/2022, ông T1 và Ngọc vay thêm của ông V số tiền 10 triệu đồng. Khi vay tiền, các bên không có làm biên nhận.

Ông V nói rằng do ông V là người đại diện theo ủy quyền của ông T1 trong vụ án nên để bà Lữ Thị Kim C (bà C sống chung với ông V) đứng tên cho vay trên cả hai hợp đồng. Tóm lại, ông T1 và bà N đã vay của ông V tổng số tiền 210 triệu đồng, mức lãi suất 5%/tháng, mục đích vay tiền để trị bệnh cho ông T1, trả tiền thuê luật sư và tạm ứng chi phí tố tụng, cụ thể: 80 triệu đồng để thuê luật sư M và ông V, khoảng 50 triệu đồng tiền tạm ứng chi phí tố tụng, tiền lãi trả cho ông V 10 triệu đồng, chi phí còn lại là ông T1 dùng để chữa bệnh. Vào ngày 17/01/2023, ông T1 trả cho ông V số tiền 15 triệu đồng tiền gốc và ngày 09/4/2023, ông T1 trả cho ông V tiếp số tiền 5 triệu đồng, ông V có ký tên nhận.

Nay, ông T1 và bà N thừa nhận còn nợ bà C và ông V số tiền gốc là 190 triệu đồng và đồng ý trả cho bà C và ông V số tiền này.

Theo bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn V trình bày:

Ông V khẳng định số tiền 200 triệu đồng mà bà C cho bà P và bà H vay cũng như số tiền 210 triệu đồng mà bà C cho ông T1 và bà N vay là tiền riêng của bà C, không liên quan đến ông. Ông thừa nhận giọng nói trong đoạn ghi âm do ông T1 cung cấp cho Tòa là giọng nói của ông, đoạn ghi âm được ghi tại địa chỉ nhà ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre vào khoảng 19 giờ ngày 19/4/2023. Khi ông T1 ghi âm thì ông có biết. Việc trao đổi giữa ông với ông T1, bà N trong đoạn ghi âm là liên quan đến số tiền ông cho ông T1 mượn riêng (theo giấy mượn tiền ngày 06/4/2023), hoàn toàn không liên quan đến số tiền mà bà C cho bà P, bà H, ông T1, bà N vay. Ông không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Theo bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, người làm chứng ông Phan Cao T trình bày:

Ông T có mối quan hệ quen biết với bà C, ông V và ông T1. Vào sáng ngày 29/2/2022, bà C có nhờ ông chở bà C qua nhà của bà P, bà H (địa chỉ tại xã T, huyện C, gần phở H), trên đường đi ông nghe bà C nói cho bà P, bà H mượn tiền để trả tiền thuê luật sư trong vụ án. Khi tới nhà bà P và bà H, thì ông đậu xe trước nhà, bà C kêu vô nhà chơi. Lúc này, bà P và bà H lấy bàn ghế ra mời bà C, ông thì ngồi rìa ở ngoài xa, cách vị trí bà C, bà P khoảng 6,7 mét. Ông có nghe hai bên nói chuyện vay mượn

tiền, vay 200 triệu đồng, ông thấy bà C đưa hợp đồng ra cho bà P ký, nội dung như thế nào thì ông không rõ, sau đó bà C lấy tiền trong giỏ xách ra, bà P và bà H đếm tiền. Hai bên nói chuyện vài câu nữa thì bà C ra về. Ông cam đoan lời trình bày trên đây là sự thật. Ngoài ra, ông không còn chứng kiến gì khác. Do bận công việc, ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông trong quá trình giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Hồ Văn V (với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) và bà Trần Thị Ngọc Như A trình bày: việc vay tiền giữa bà C và bà P đã được lập thành văn bản, bà P thừa nhận chữ ký và dấu lấn tay của bên vay trong hợp đồng là của bà P. Do nhầm lẫn ngày âm và ngày dương nên hợp đồng vay tiền đề ngày "29/2/2022", ngày đúng là ngày 29/01/2022 âm lịch tức là ngày 01/3/2022 dương lịch. Xét thấy, bà P là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự đồng thời bà P trước đây công tác tại cơ quan nhà nước chứng minh bà P là người có trình độ cao, như vậy khi ký hợp đồng vay tiền thì bà P phải hiểu và chịu trách nhiệm về việc ký vào hợp đồng vay tiền. Bà P trình bày ký tên vào hợp đồng vay với tư cách là bảo lãnh thay cho khoản nợ vay của ông T1, tuy nhiên bà P không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này, đồng thời tại hợp đồng vay tiền cũng không có nội dung nào thể hiện bà P bảo lãnh cho ông T1. Đối với đoạn ghi âm ngày 19/4/2023, đây là đoạn hội thoại giữa ông V với ông T1, bà N liên quan đến số tiền ông T1 đã vay của ông V ngày 06/4/2023, hoàn toàn không liên quan đến số tiền vay giữa bà C và bà P. Việc bà P vay số tiền 200 triệu đồng của bà C với ba mục đích, cụ thể: chữa bệnh cho ông T1, trả lại tiền chi phí tố tụng mà trước đó ông V đã ứng ra, trả nợ mà bà P, bà H còn nợ bên ngoài và ngân hàng. Từ các chứng cứ nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà P và bà H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà C số tiền 200 triệu đồng và tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm tính từ ngày 01/3/2022 đến khi trả xong nợ, tiền lãi tạm tính đến nay là 54.222.222 đồng. Như vậy, tổng số tiền bà P và bà H có nghĩa vụ liên đới trả là 254.222.222 đồng. Đối với khoản vay giữa bà C với ông T1, bà N theo hợp đồng vay tiền ngày 27/12/2021 và ngày 14/02/2022, bà C không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Bà C không còn cung cấp chứng cứ nào khác cũng như không còn yêu cầu nào khác.

Ông Lê Kim Trường S trình bày: bà P thừa nhận chữ ký, chữ viết và dấu lấn tay trong hợp đồng tại mục bên vay trong hợp đồng vay tiền ngày 29/02/2022 là của bà P, tuy nhiên bà P ký tên với tư cách là bảo lãnh cho ông T1 vì bà P có nghe ông T1 nói có vay của ông V số tiền 200 triệu đồng, hiện ông T1 đang trị bệnh có thể mất bất cứ lúc nào, do đó bà P mới đồng ý ký vào hợp đồng vay tiền. Bà P khẳng định bà không có nhận số tiền 200 triệu đồng theo hợp đồng vay tiền đề ngày 29/02/2022. Để chứng minh cho lời trình bày này, ông T1 đã cung cấp cho Tòa án hợp đồng vay tiền

ngày 17/12/2021 và ngày 14/02/2022 để chứng minh ông T1, bà N đã vay của ông V (theo hợp đồng để bên cho vay bà C) số tiền 200 triệu đồng. Đối với lời khai của người làm chứng Phan Cao T thì ông T là người có mối quan hệ làm ăn với ông V, do đó lời khai của người làm chứng không khách quan, đồng thời nguyên đơn cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà C đã giao cho bà P số tiền 200 triệu đồng. Tại đoạn ghi âm mà ông T1 cung cấp cho Tòa án, ông V thừa nhận giọng nói trong đoạn ghi âm là của ông V, nội dung chốt lại đoạn ghi âm là ông V nói với ông T1 kêu bà H đồng ý ký vào giấy nhận nợ thì ông V sẽ rút đơn (vì bà H là người có tài sản). Từ các căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông S không còn cung cấp chứng cứ nào khác.

Ông Nguyễn Thiết T1 trình bày: Việc bà P ký tên vào hợp đồng vay tiền ngày 29/2/2022 là bảo lãnh cho khoản vay 200 triệu đồng trước đó mà ông và vợ ông bà Trần Thị Kim N đã vay của ông V. Thời điểm tháng 02/2022, ông bị bệnh nặng, có thể mất bất cứ lúc nào nên bên cho vay tiền là ông V có lên nói với mẹ ông là bà P ký vào hợp đồng vay tiền với tư cách bảo lãnh. Sau đó, giữa đôi bên có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng ông có lên gặp ông V tại địa chỉ ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre để giải quyết vấn đề tiền bạc. Đoạn ghi âm mà ông cung cấp cho Tòa án được ghi âm vào lúc 19 giờ 7 phút ngày 19/4/2023. Sau khi bàn bạc, ông V đề nghị ông về nói nói bà H (bà D) ký vào giấy xác nhận nợ, sau đó ông V sẽ rút đơn, mỗi tháng vợ chồng ông sẽ trả cho ông V số tiền 5 triệu đồng cho đến khi trả xong nợ. Sở dĩ, ông V đề nghị bà H ký vào xác nhận nợ vì ông V biết bà H có đứng tên tài sản. Nay, ông và bà N đồng ý trả cho ông V, bà C số tiền đã vay theo hợp đồng vay tiền ngày 17/12/2021, ngày 14/02/2022 và khoản vay vào tháng 10/2022. Ông T1 không còn cung cấp chứng cứ nào khác.

Ông Hồ Văn V (với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày: Ông khẳng định số tiền 200 triệu đồng bà C cho bà P vay ngày 29/02/2022, số tiền 100 triệu đồng bà C cho ông T1, bà N vay ngày 17/12/2021 và số tiền 100 triệu đồng bà C cho ông T1, bà N vay ngày 14/02/2022 là tiền riêng của bà C, các khoản vay này hoàn toàn khác nhau không liên quan với nhau. Ba hợp đồng vay tiền nêu trên đều do ông soạn thảo, sở dĩ hợp đồng vay tiền giữa bà C và bà P đề ngày "29/2/2022" là do ông nhầm lẫn, vì ngày trước đó là ngày 28 thì ông cứ nghĩ ngày hôm sau là ngày 29. Ông có mối quan hệ quen biết với ông Phan Cao T nên ngày bà C đi giao tiền cho bà P thì ông có nhờ ông T chở bà C đi. Ông thừa nhận đoạn ghi âm mà ông T1 cung cấp cho Tòa án có giọng nói của ông, tuy nhiên trước khi gặp ông T1 và bà N thì ông đã có uống rượu nên không được tỉnh táo, đồng thời đoạn ghi âm có nội dung là tranh chấp giữa đôi bên liên quan đến số tiền 200 triệu đồng vào ngày 06/4/2023 mà ông đã cho ông T1 vay, để chứng minh ông đã cung cấp giấy mượn

tiền ngày 06/4/2023 cho Tòa, khoản vay ngày 06/4/2023 hoàn toàn không liên quan gì đến tiền vay của bà C. Ông không còn cung cấp chứng cứ nào khác cũng như không có yêu cầu trong vụ án này.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội Thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử: xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp là chưa đủ cơ sở buộc bà P và bà H trả cho bà C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà P số 254.222.222 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuyên án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre và kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: căn cứ đơn khởi kiện ngày 04/4/2023 (BL03), xét thấy bà Lữ Thị Kim C yêu cầu bà Mai Kim P và bà Mai Kim H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 200 triệu đồng theo "Hợp đồng vay tiền ngày 29/02/2022". Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Về thẩm quyền giải quyết: căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ khoản 3 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn bà Mai Kim P có nơi cư trú tại phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre, đối chiếu điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Về sự có mặt của người tham gia tố tụng: người làm chứng ông Phan Cao T có đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà C buộc bà P trả số tiền 200 triệu đồng và tiền lãi, thấy rằng: bà C yêu cầu bà P có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền 200 triệu đồng là căn cứ vào bản chính "Hợp đồng vay tiền ngày 29/02/2022" (BL06) và "Giấy xác nhận của người làm chứng Phan Cao T ngày 19/5/2023" (BL125). Hội đồng xét xử xét thấy:

Thứ nhất, tháng 2/2022 chỉ có 28 ngày. Tại đơn khởi kiện ngày 04/4/2023 (BL03), biên bản hòa giải ngày 19/5/2023 (BL126-130), biên bản đối chất ngày 08/6/2023 (BL138-146) và biên bản hòa giải ngày 15/6/2023 (BL168-170), nguyên đơn bà Lữ Thị Kim C cũng như đại diện theo ủy quyền của bà C là ông Hồ Văn V đều khẳng định bà C đã giao tiền cho bà P vào ngày **29/02/2022**, các đương sự đều không phát hiện ra sự sai sót này. Tại phiên tòa, khi Hội đồng xét xử xét hỏi về vấn đề này thì đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn lại cho rằng do nhầm lẫn, bà C đã giao tiền cho bà P vào ngày là 29/01/2022 (âm lịch) tức là ngày 01/3/2022 dương lịch. Tuy nhiên, nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh là có sự nhầm lẫn này. Đồng thời, nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh giữa bà C và bà P có việc giao nhận tiền là vào ngày 01/3/2022. Hơn nữa, tại điều 3 của hợp đồng vay tiền có nội dung "*Thời hạn 12 tháng (mười hai tháng) từ ngày ký hợp đồng, lãi suất tự thỏa thuận*". Tại phiên đối chất ngày 08/6/2023, bà C trình bày theo hợp đồng ghi lãi suất thỏa thuận nhưng thực tế các bên thỏa thuận lãi suất bằng lời nói là 2%/tháng. Tại phiên tòa, bà A là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn lại trình bày các bên thỏa thuận mức lãi suất 1,68%/tháng. Như vậy, lời khai của bà C và đại diện theo ủy quyền của bà C là có mâu thuẫn.

Thứ hai, bà P cũng như đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng sở dĩ bà P ký vào hợp đồng vay tiền ngày 29/02/2022 với bà C vì ông T1 là con đẻ của bà P, bà P ký vào hợp đồng với mục đích trường hợp ông T1 có mất thì bà P sẽ là người đứng ra bảo lãnh trả nợ thay cho ông T1. Để chứng minh cho lời trình bày này, bà P cũng như ông T1 đã cung cấp cho Tòa án hợp đồng vay tiền ngày 17/12/2021 và hợp đồng vay tiền ngày 14/02/2022, tổng số tiền vay của hai hợp đồng này là 200 triệu đồng. Xét thấy, bà P cho rằng bà ký vào hợp đồng vay ngày 29/02/2022 để bảo lãnh cho khoản vay của ông T1 là có cơ sở, bởi lẽ: giữa bà C và ông T1, bà N không có mối quan hệ thân thích, họ hàng gì. Tại phiên đối chất ngày 08/6/2023, bà C trình bày mục đích bà C cho ông T1, bà N vay số tiền 100 triệu đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 17/12/2021 và số tiền 100 triệu đồng ngày 14/02/2022 là "*do ông T1 cần tiền để chữa bệnh ung thư đường ruột*" (BL 139,140). Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án, bà C thừa nhận sống chung với ông V nhưng không có đăng ký kết hôn (BL139). Bên cạnh đó, tại đoạn ghi âm mà ông T1 cung cấp cho Tòa án, ông V thừa nhận tại mục "Ông V:....." trong Tờ trình bày mà ông T1 cung cấp cho Tòa án chính là giọng nói

của ông. Căn cứ Điều 93 và khoản 3 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, giọng nói của ông V trong đoạn ghi âm được xem là chứng cứ. Tại đoạn ghi âm, ông V nói với ông T1 "*Thì bây giờ bà H làm ủy quyền cho mày ra Tòa thừa nhận có thiếu tao 200 triệu, chừng nào bán đất trả tao, tao sẵn sàng cho mày một hai năm trả cũng được nữa, nói thẳng vậy luôn đó hoặc là mày bả ra thừa nhận 200 triệu **bảo lãnh**, phải có mượn 200 triệu...*" và "*Bây giờ mày nói vậy nè, mày về mày nói với bà D nói với bà già, tao làm giấy nợ 200 triệu hai bà ký, như vậy là được rồi. Rồi một tháng trả tao 5 triệu, tao rút đơn tòa liền...*". Tại phiên tòa, ông V cho rằng đoạn ghi âm trên là trao đổi giữa ông và ông T1 theo "giấy mượn tiền ngày 06/4/2023" nhưng ông không lý giải được lý do vì sao ông lại nói kêu bà H ký giấy xác nhận nợ 200 triệu đồng thì ông sẽ rút đơn, ông V cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông có cho bà H vay tiền và ông đang khởi kiện bà H.

Thứ ba, tại biên bản hòa giải ngày 19/5/2023, ông Phan Cao T trình bày "Tôi có quen biết với bà C, ông V và ông T1" (BL 129). Tại phiên tòa, ông V trình bày có quen biết với ông T. Ngoài ra, tại phiên đối chất ngày 08/6/2023 (BL144) bà C thừa nhận do ông V bận công việc nên có nhờ ông T chở bà lên nhà của bà P giao tiền. Tại "Giấy xác nhận của người làm chứng ngày 19/5/2023" (BL 125) cũng như lời khai của ông T tại phiên hòa giải ngày 19/5/2023 (BL129), phiên đối chất ngày 08/6/2023 (BL 143), ông T đều khẳng định ngày 29/02/2022 (**vào buổi sáng**) đã chở bà C qua nhà bà P tại huyện C giao tiền. Từ các lời khai nêu trên, thấy rằng giữa bà C, ông V và ông T đã có mối quan hệ quen biết từ trước, việc bà C nhờ ông T chở đi giao tiền không phải là sự ngẫu nhiên, đồng thời như đã phân tích nêu trên tháng 02/2022 chỉ có 28 ngày, tuy nhiên trong tất cả các lời khai của người làm chứng Phan Cao T đều khẳng định là sáng ngày 29/2/2022, ông T đã chở bà C đi giao tiền. Đối chiếu Điều 93 và Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét thấy lời khai của người làm chứng ông Phan Cao T không khách quan, không hợp pháp nên không được xem là chứng cứ.

Từ các phân tích trên, xét thấy bà C căn cứ vào "hợp đồng vay tiền ngày 29/02/2022" và "giấy xác nhận của người của người làm chứng" để buộc bà P trả số tiền vay 200 triệu đồng là chưa đủ cơ sở, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của bà C.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà C buộc bà H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 200 triệu đồng, xét thấy: như đã phân tích tại đoạn [2], việc bà C khởi kiện buộc bà P trả số tiền vay 200 triệu đồng là không có cơ sở cũng như không cung cấp được chứng cứ bà H có liên quan đến số tiền vay nên bà C khởi kiện bà H có nghĩa vụ liên đới cùng bà P trả số tiền vay 200 triệu đồng là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Đối với các khoản vay theo hợp đồng vay tiền ngày 17/12/2021, ngày 14/02/2022, giấy mượn tiền ngày 06/4/2023, giấy biên nhận ngày 09/4/2023, bà C, ông V khẳng định không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét thấy do đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này bà C, ông V, ông T1 và bà N có tranh chấp, Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, do yêu cầu khởi kiện của bà C không được chấp nhận nên bà C có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là : $254.222.222 \text{ đồng} \times 5\% = 12.711.000 \text{ đồng}$ (làm tròn số).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 280, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 93, Điều 95, Điều 147, Điều 229 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lữ Thị Kim C về việc buộc bà Mai Kim P và bà Mai Kim H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lữ Thị Kim C số tiền 254.222.222 (hai trăm năm mươi bốn triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn, hai trăm hai mươi hai) đồng, trong đó tiền gốc 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, tiền lãi 54.222.222 (năm mươi bốn triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn, hai trăm hai mươi hai) đồng theo "hợp đồng vay tiền ngày 29/02/2022".

2. Bà Lữ Thị Kim C, bà Mai Kim P, bà Mai Kim H, ông Nguyễn Thiết T1, bà Trần Thị Kim Ngọc và ông Hồ Văn V không còn yêu cầu nào khác nên không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Lữ Thị Kim C có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 12.711.000 (mười hai triệu, bảy trăm mười một nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.086.000 (sáu triệu, không trăm tám mươi sáu nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số XYZ

ngày 19/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Như vậy, bà Lữ Thị Kim C có nghĩa vụ nộp tiếp số tiền còn lại là 6.625.000 (sáu triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: bà Lữ Thị Kim C, bà Mai Kim P, bà Mai Kim H, ông Nguyễn Thiết T1, bà Trần Thị Kim Ngọc và ông Hồ Văn V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- CCTHADS thành phố Bến Tre (1b);
- Các đương sự (4b);
- Lưu hồ sơ, VP (4b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký, đóng dấu)

Huỳnh Thị Thanh Như